

Số: 77 /TTr-UBND

Hải Dương, ngày 07 tháng 7 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Hải Dương
(Tài liệu trình tại kỳ họp thứ 16 - HĐND tỉnh khóa XVII)

Thực hiện Chương trình làm việc của HĐND tỉnh khóa XVII, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Ngày 22 tháng 12 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 75/2022/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú có hiệu lực từ ngày 05 tháng 02 năm 2023. Tại khoản 2 Điều 8 quy định:

“2. Kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2023, mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú thực hiện thống nhất theo quy định tại Thông tư này. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bãi bỏ quy định về lệ phí đăng ký cư trú tại địa phương tại kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gần nhất”.

Vì vậy, việc bãi bỏ “lệ phí đăng ký cư trú” thuộc thẩm quyền quy định của HĐND tỉnh là cần thiết.

2. Ngày 26 tháng 11 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 106/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tại điểm e khoản 3 Điều 1 sửa đổi điểm c khoản 2 điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC như sau:

“c) Lệ phí hộ tịch là khoản thu đối với người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật, không bao gồm việc cấp bản sao trích lục hộ tịch (thu phí khai thác, sử dụng thông tin

trong cơ sở dữ liệu hộ tịch theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).

- *Lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, gồm: Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân); khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử); kết hôn (đăng ký lại kết hôn); nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước; cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác.*

- *Lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gồm: Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân); khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử); kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn); giám hộ, chấm dứt giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài; ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; đăng ký hộ tịch khác.”*

Vì vậy, việc bãi bỏ lệ phí “*cấp bản sao trích lục hộ tịch*” đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã, UBND cấp huyện; bãi bỏ lệ phí “*ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*” đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã và sửa đổi đối với nội dung thu lệ phí hộ tịch thuộc thẩm quyền quy định của HĐND tỉnh là cần thiết.

3. Ngày 19 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 1288/QĐ-UBND về việc thành lập Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất các huyện, thị xã, thành phố. Tại Điều 1 có nêu: “*Thành lập Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương (sau đây gọi tắt là Văn phòng) trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất các huyện, thị xã, thành phố*” do vậy sau khi hợp nhất thành một đơn vị thì VPĐKQSD đất huyện, thành phố, thị xã sẽ trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trở thành cơ quan cấp tỉnh. Vì vậy, sửa đổi tên cơ quan thu từ “VPĐKQSD đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường” thành “Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương”, “VPĐKQSD đất huyện, thành phố, thị xã” thành “Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã” đồng thời sửa nội dung tỷ lệ điều tiết nộp Ngân sách nhà nước đối với những khoản thu phí, lệ phí của VPĐKQSD đất huyện, thành phố, thị xã tại các Phụ lục kèm theo các Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 và số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VỀ XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích, yêu cầu

- Ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản phí, lệ phí để triển khai thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước được kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trên địa bàn tỉnh;

- Bảo đảm thống nhất mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí lệ phí trên địa bàn tỉnh; xây dựng hành lang pháp lý thuận lợi để góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh;

- Tăng cường trách nhiệm, nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức và cá nhân về nộp phí và lệ phí.

2. Quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm thẩm quyền về hình thức, thẩm quyền về nội dung được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 15 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015, Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 27/3/2023 Sở Tài chính có Văn bản số 911/STC-QLGCS đề nghị các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã rà soát danh mục, mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh, gửi văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung về Sở Tài chính đề tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; ngày 12/5/2023, Sở Tài chính đã tổ chức cuộc họp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã để thống nhất ý kiến và tiếp tục hoàn thiện dự thảo Tờ trình.

Ngày 15/5/2023, Sở Tài chính ban hành Văn bản số 1659/STC-QLGCS tiếp tục gửi xin ý kiến tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các sở, ngành, đơn vị liên quan về Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Hải Dương. Tiếp thu ý kiến của các đơn vị Sở Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo.

Ngày 12/5/2023, Sở Tài chính đã có Văn bản số 1632/STC-QLGCS đề nghị Ban biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh Hải Dương đăng tải Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018, Nghị

quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Hải Dương để lấy ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân và nhân dân.

Ngày 01/6/2023, Sở Tài chính đã có Văn bản số 1934/STC-QLGCS đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Tờ trình UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Ngày 14/6/2023, Sở Tư pháp đã có báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tại Văn bản số 1253/BC-STP; ngày 15/6/2023, Sở Tài chính đã có Tờ trình số 2147/TTr-STC gửi UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Ngày 19/6/2023, UBND tỉnh tổ chức phiên họp tháng 6 (lần 5) và có Thông báo kết luận số 111/TB-UBND ngày 22/6/2023 của Văn phòng UBND tỉnh, trong đó giao các cơ quan chuyên môn tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh khóa XVII.

Nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Hải Dương theo đúng quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của địa phương, bảo đảm việc triển khai thực hiện thống nhất, hiệu quả.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Sửa đổi một số cụm từ của Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 và Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Bãi bỏ khoản thu “*Lệ phí đăng ký cư trú*” quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh.

2.2. Lệ phí hộ tịch:

- Bãi bỏ quy định về mức thu tại điểm đ “*Cấp bản sao trích lục hộ tịch*”, điểm g “*Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*” tại mục 2.1 về mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối

với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã và bãi bỏ điểm e “Cấp bản sao trích lục hộ tịch” tại mục 2.2 về mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện thuộc phần II Khoản 1 về Lệ phí của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh.

- Sửa đổi nội dung thu tại điểm a, b, c, e quy định tại mục 2.1 về mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã và điểm a, b, c, d, f, h quy định tại mục 2.2 về mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện thuộc phần II Khoản 1 về Lệ phí của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh.

Cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
2.1	Mức thu lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND xã, phường, thị trấn:		
a	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	Đồng/lần	5.000
b	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	Đồng/lần	5.000
c	Kết hôn (đăng ký lại kết hôn)	Đồng/lần	25.000
d	Nhận cha, mẹ, con	Đồng/lần	10.000
e	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	Đồng/lần	10.000
f	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Đồng/lần	10.000
h	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	Đồng/lần	5.000
2.2	Mức thu lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện:		
a	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	Đồng/lần	55.000
b	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử)	Đồng/lần	55.000
c	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	Đồng/lần	1.000.000
d	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	Đồng/lần	55.000
đ	Nhận cha, mẹ, con	Đồng/lần	1.000.000
f	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	Đồng/lần	25.000

g	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Đồng/lần	55.000
h	Đăng ký hộ tịch khác	Đồng/lần	55.000

Trường hợp công dân nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến thì thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2.3. Sửa đổi tỷ lệ điều tiết nộp Ngân sách nhà nước:

- Sửa đổi mục 14, 15 Phần I về Phí thuộc Khoản 1 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 và tại mục 2 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh như sau: “*Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã nộp 20% vào NS tỉnh*”.

- Sửa đổi mục 4 Phần II về Lệ phí thuộc Khoản 1 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 từ tỷ lệ điều tiết 100% cho Ngân sách huyện, thành phố, thị xã thành 100% cho Ngân sách tỉnh đối với cơ quan thu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2.4. Sửa đổi cụm từ “VPĐKQSD đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường” thành cụm từ “Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương” và cụm từ “VPĐKQSD đất huyện, thành phố, thị xã” thành cụm từ “Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã” tại mục 14, 15 Phần I về Phí và mục 4 Phần II về Lệ phí thuộc Khoản 1 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016, tại phần I của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 và tại mục 2 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh.

(Có dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Hải Dương, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu dự kỳ họp thứ 16, khóa XVII;
- LĐ VP HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Quân

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết theo quy định				Tỷ lệ điều tiết sửa đổi				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn		Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất (kể cả cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung) thì mức thu bằng mức thu khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất											
B	Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương											
2	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		Chi tiết các mức thu quy định tại mục 2 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	80%	VPĐKQSD đất thuộc Sở TN và MT nộp 20% vào NS tỉnh; VPĐKQSD đất huyện, TP, TX nộp 20% vào NS cấp huyện			80%	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã nộp 20% vào NS tỉnh			Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương; Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã